

DANH SÁCH

**Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030**

*(Kèm Quyết định số 803/QĐ-BDTTG ngày 20 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)*

8. TỈNH PHÚ THỌ

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
			1.195	1.134	575	487
1	XÃ TU VŨ		4	4	0	0
		1	Thôn 3 Yên Mao	x		
		2	Thôn 4 Yên Mao	x		
		3	Thôn 6 Phụng Mao	x		
		4	Thôn 7 Phụng Mao	x		
2	XÃ LẠC SƠN		25	25	0	9
		1	Phố Mường Vôi	x		x
		2	Phố Liên Vũ	x		x
		3	Phố Mường Cháy	x		
		4	Xóm Vũ Lâm	x		
		5	xóm Cải Át	x		
		6	xóm Đạn	x		
		7	Phố Lâm Hoá	x		
		8	xóm Bình Càng	x		x
		9	xóm Mường Cánh	x		x
		10	xóm Mường Cối	x		x
		11	xóm Bình Chân	x		x
		12	xóm Thống Nhất	x		
		13	xóm Nghĩa Dân	x		
		14	xóm Độc Lập	x		
		15	xóm Chiềng Trào	x		
		16	Xóm Mường Côm	x		x
		17	xóm Mường Thống	x		
		18	Phố Tân Giang	x		
		19	Phố Hữu Nghị	x		
		20	Xóm Chum	x		
		21	Xóm Bưng Cọi	x		x
		22	Xóm Vín Hòa	x		x
		23	Xóm Vín Bìu	x		
		24	Xóm Đa Gầm	x		
		25	Xóm Trung Quyền	x		
3	XÃ VÂN SƠN		12	12	12	12
		1	Thôn Hày	x	x	x
		2	Thôn Bắc Sơn	x	x	x
		3	Thôn Trung Sơn	x	x	x
		4	Thôn Lũng Vân	x	x	x
		5	Thôn Đông Sơn	x	x	x
		6	Thôn Chiến	x	x	x
		7	Thôn Nam Sơn	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8	Thôn Ngổ Luông	x	x	x
		9	Thôn Bo Trăm	x	x	x
		10	Thôn Quyết Chiến	x	x	x
		11	Thôn Hưng	x	x	x
		12	Thôn Mường Cá	x	x	x
4	XÃ PÀ CÒ		14	14	14	14
		1	Xóm Bò Báu	x	x	x
		2	Xóm Tam Hòa	x	x	x
		3	Xóm Chà Đáy	x	x	x
		4	Xóm Cun Mượt	x	x	x
		5	Xóm Pà Cò	x	x	x
		6	Xóm Pà Háng	x	x	x
		7	Xóm Xà Linh	x	x	x
		8	xóm Pà Khôm	x	x	x
		9	Xóm Hang Kia	x	x	x
		10	Xóm Thung Mải	x	x	x
		11	Xóm Thung Ẩng	x	x	x
		12	Xóm Thung Mặn	x	x	x
		13	Xóm Táu Nà	x	x	x
		14	Xóm Pheo	x	x	x
5	XÃ KIM BÔI		17	17	5	6
		1	Thôn Chiềng Động	x		
		2	Thôn Đoàn Kết	x		
		3	Thôn Vô Đồi	x	x	
		4	Thôn Kim Bình	x		
		5	Thôn Mường Chanh	x		x
		6	Thôn Vó Khang	x	x	x
		7	Thôn Hạ Bì	x		x
		8	Thôn Bôi Cầu	x		
		9	Thôn Kim Tiến	x	x	x
		10	Thôn Vĩnh Đồng	x		
		11	Thôn Kim Truy	x		
		12	Thôn Mớ Đá	x		
		13	Thôn Bo Lục	x		
		14	Thôn Cháo	x	x	
		15	Xóm Cóc Lắm	x	x	x
		16	Khu Sào	x		
		17	Khu Nội Sung	x		x
6	XÃ ĐẠO TRÙ		18	18	7	0
		1	Thôn Đồng Phú	x		
		2	Thôn Đồng Mới	x		
		3	Thôn Đồng Ôn	x		
		4	Thôn Đồng Pheo	x		
		5	Thôn Quang Đạo	x		
		6	Thôn Lục Liễu	x		
		7	Thôn Đồng Giếng	x	x	
		8	Thôn Tân Lập	x		
		9	Tiên Long	x		
		10	Thôn Đạo Trù Thượng	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Đạo Trù Hạ	x	x	
		12	Thôn Gò	x	x	
		13	Thôn Tân Phú	x		
		14	Thôn Tân Tiến	x		
		15	Thôn Phân Lân Thượng	x	x	
		16	Thôn Phân Lân Hạ	x	x	
		17	Thôn Vĩnh Ninh	x	x	
		18	Thôn Đồng Qua	x		
7	XÃ MUỜNG ĐỘNG		19	19	12	9
		1	Thôn Đoàn Kết	x	x	x
		2	Thôn Tú Sơn	x	x	x
		3	Thôn Mường Rếch	x	x	
		4	Thôn Thung Dao Bắc	x	x	x
		5	Thôn Vĩnh Tiến	x	x	
		6	Thôn Mường Thao	x		
		7	Thôn Trang Định	x	x	
		8	Thôn Đông Bắc	x		
		9	Thôn Mường Dạnh	x		
		10	Thôn Mường Sim	x		x
		11	Thôn Hợp Đồng	x	x	
		12	Thôn Ký Sắn	x	x	x
		13	Thôn Hợp Tiến	x	x	x
		14	Thôn Thượng Tiến	x	x	x
		15	Thôn Bãi Chạo	x		
		16	Thôn Thung Mường	x	x	x
		17	Thôn Cù	x	x	x
		18	Thôn Đầm Rừng	x		
		19	Thôn Đồng Ngoài	x		
8	XÃ ĐÀ BẮC		21	21	20	7
		1	Thôn Kim Lâm	x	x	
		2	Thôn Đoàn Kết	x	x	
		3	Thôn Tầy Măng	x	x	
		4	Thôn Trúc Sơn	x	x	x
		5	Thôn Hiền Lương	x	x	
		6	Thôn Ngụ Mái	x		x
		7	Thôn Tú Lý	x	x	
		8	Thôn Châu Mạ	x	x	
		9	Thôn Mè	x	x	
		10	Thôn Hào Tân	x	x	x
		11	Thôn Hào Lý	x	x	
		12	Thôn Phú	x	x	x
		13	Thôn Dung	x	x	x
		14	Thôn Liên Phương	x	x	
		15	Thôn Chợ Bờ	x	x	
		16	Thôn Thạch Lý	x	x	
		17	Thôn Mu	x	x	
		18	Thôn Công	x	x	
		19	Thôn Tra	x	x	x
		20	Thôn Rãnh	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		21	Thôn Trảng	x	x	
9	THƯỢNG CỐC		15	15	5	9
		1	Xóm Quyết Tiến	x		
		2	Xóm Chiềng	x		
		3	Xóm Hữu Nghị	x		
		4	Xóm Trung Sơn	x		x
		5	Xóm Nam Sơn	x		x
		6	Xóm Miền Đồi	x	x	x
		7	Xóm Đoàn Kết	x	x	x
		8	Xóm Thảo Nguyên	x	x	x
		9	Xóm Văn Sơn	x		x
		10	Xóm Trang	x		
		11	Xóm Cao Sơn	x	x	x
		12	Xóm Phú Sơn	x	x	x
		13	Xóm Tre	x		
		14	Xóm Anh	x		
		15	Xóm Ốc	x		x
10	TIỀN PHONG		8	8	7	8
		1	Thôn Vầy Nưa	x	x	x
		2	Thôn Tân Thành	x	x	x
		3	Thôn Hào Phong	x	x	x
		4	Thôn Đức Phong	x	x	x
		5	Thôn Hào Tráng	x		x
		6	Thôn Mỏ Nè	x	x	x
		7	Thôn Săng Bờ	x	x	x
		8	Thôn Cò Xa	x	x	x
11	XÃ AN BÌNH		18	18	2	4
		1	Thôn Đại Đồng	x		
		2	Thôn Thắng Lợi	x		
		3	Thôn Đồng Bông	x		
		4	Thôn Tiên Lữ	x		
		5	Thôn Ninh Nội	x		
		6	Thôn Minh Thành	x		x
		7	Thôn Đồng Môn	x		
		8	Thôn Thống Nhất	x		x
		9	Thôn An Lạc	x		
		10	Thôn Liên Hoà	x		x
		11	Thôn Liên Hồng	x		
		12	Thôn Thới	x		
		13	Thôn Hưng Thi	x		
		14	Thôn Trâm	x	x	
		15	Thôn Voi	x		
		16	Thôn Ninh Ngoại	x		
		17	Thôn Hợp Thành	x		x
		18	Thôn Niềng	x	x	
12	XÃ LẠC THỦY		9	6	5	0
		1	Thôn Đồng Làng	x		
		2	Thôn Đồng Bông		x	
		3	Thôn Ngọc Lâm		x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Đoàn Kết	x	x	
		5	Thôn Lạc Long		x	
		6	Thôn Khoan Dụ	x		
		7	Thôn Rộc Trụ	x	x	
		8	Thôn Đông Yên	x		
		9	Thôn Sóc Bai	x		
13	MINH ĐÀI		27	27	7	18
		1	Thôn Chóc	x		x
		2	Thôn Đường 1	x	x	x
		3	Thôn Đồng Gạo	x		x
		4	Thôn Mảnh	x		x
		5	Thôn Luông	x		x
		6	Thôn Tân Thịnh	x		x
		7	Thôn Hoàng Văn	x		
		8	Thôn Mơn	x		x
		9	Thôn Bến Gạo	x		x
		10	Thôn Đồng Phú	x		
		11	Thôn Minh Thanh	x		x
		12	Khu Tân Thư	x	x	x
		13	Khu Tân Lập	x		
		14	Khu Tân Trào	x	x	x
		15	Khu Minh Tâm	x		
		16	Khu Đồng Thịnh	x		
		17	Khu Vinh Quang	x		
		18	Khu Láng	x		
		19	Khu Lũng	x		
		20	Khu Cú	x	x	x
		21	Khu Bình	x	x	x
		22	Khu Đường 2	x	x	x
		23	Khu Chiềng	x		
		24	Khu Mịn 1	x	x	x
		25	Khu Mịn 2	x		x
		26	Khu Tân Lực	x		x
		27	Khu Thuận	x		x
14	XÃ CAO SƠN		10	10	10	10
		1	Thôn Sơn Phú	x	x	x
		2	Thôn Lanh Răng	x	x	x
		3	Thôn Tầm	x	x	x
		4	Thôn Sung Bai	x	x	x
		5	Thôn Tân Minh	x	x	x
		6	Thôn Châm Mít	x	x	x
		7	Thôn Điều Bô	x	x	x
		8	Thôn Sèo	x	x	x
		9	Thôn Ênh	x	x	x
		10	Thôn Tát	x	x	x
15	XÃ NẬP SƠN		22	22	15	16
		1	Thôn Mường Tú	x	x	x
		2	Thôn Đoàn Kết	x	x	x
		3	Thôn Sáng Trong	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Sáng Mới	x		x
		5	Thôn Liên Kết	x	x	x
		6	Thôn Tân Sơn	x		x
		7	Thôn Bắc Sơn	x		x
		8	Thôn Hùng Tiến	x	x	x
		9	Thôn Nật Sơn	x	x	x
		10	Thôn Sơn Thủy	x		
		11	Thôn Xuân Thủy	x		
		12	Thôn Thượng Bì	x		x
		13	Thôn Khoai Nè	x	x	
		14	Thôn Bờ Ruộng	x	x	
		15	Thôn Hang Lờm	x	x	x
		16	Thôn Khả	x	x	x
		17	Thôn Đăng Long	x	x	x
		18	Thôn Bà Rà	x	x	x
		19	Thôn Chi Bái	x	x	x
		20	Thôn Suối Kho	x	x	x
		21	Thôn Tre Thị	x	x	
		22	Thôn Khăm	x		
16	XÃ QUYẾT THẮNG		16	16	1	15
		1	Thôn Mường Đôm	x		x
		2	Thôn Mường Bán	x		x
		3	Thôn Mường Bai	x		
		4	Thôn Định Cư	x		x
		5	Thôn Chí Đạo	x		x
		6	Thôn Mường Đảng	x		x
		7	Thôn Chí Thiện	x		x
		8	Thôn Mường Trăm	x		x
		9	Thôn Chiềng Trăm	x		x
		10	Thôn Ba Rẽ	x		x
		11	Thôn Phú Lương	x		x
		12	Thôn Khai Cai	x	x	x
		13	Thôn Chiềng Chín	x		x
		14	Thôn Chiềng Khoang	x		x
		15	Thôn Mường Be	x		x
		16	Thôn Phúc Tuy	x		x
17	XÃ TOÀN THẮNG		17	17	7	10
		1	Thôn Chiềng Cò	x		
		2	Thôn Mường Sống	x	x	x
		3	Thôn Chiềng Đồi	x	x	
		4	Thôn Đông Sơn	x		
		5	Thôn Đoàn Kết	x		x
		6	Thôn Áo U	x		x
		7	Thôn Bận Dội	x		
		8	Thôn Búi Nước	x	x	x
		9	Thôn Đá	x	x	x
		10	Thôn Đưng	x	x	x
		11	Thôn Gia Phú	x	x	x
		12	Thôn Hồng Thọng	x		x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		13	Thôn Mường Dạ	x		
		14	Thôn Tân Lập	x		
		15	Thôn Tân Thành	x		
		16	Thôn Trang	x		x
		17	Thôn Trắng Tà	x	x	x
18	XÃ THANH SƠN		18	17	4	0
		1	Thôn Thạch Khoán	x		
		2	Thôn Đình	x		
		3	Thôn Trung Hưng	x		
		4	Thôn Nhạng Quê	x		
		5	Thôn Tân Quang	x		
		6	Thôn Tân Long	x	x	
		7	Tổ dân phố Giáp Lai	x		
		8	Tổ dân phố Bình Dân	x		
		9	Thôn Bến Đình	x		
		10	Thôn Thục Luyện	x		
		11	Thôn Đồng Cỏ	x		
		12	Thôn Phố Soi	x	x	
		13	Thôn Khuân	x	x	
		14	Thôn Sơn Hùng	x		
		15	Thôn Ngọc Sơn	x		
		16	Thôn Tam Sơn	x		
		17	Tổ dân phố Phố Vàng		x	
		18	Tổ dân phố Hạ Sơn	x		
19	XÃ MUỜNG HOA		9	9	7	9
		1	Thôn Suối Hoa	x		x
		2	Thôn Trung Hoà	x	x	x
		3	Thôn Mường Ngau	x	x	x
		4	Thôn Phú Vinh	x	x	x
		5	Thôn Ngòi Hoa	x		x
		6	Thôn Mường Kè	x	x	x
		7	Thôn Tân Vinh	x	x	x
		8	Thôn Mường Đay	x	x	x
		9	Thôn Mường Thăm	x	x	x
20	XÃ NHÂN NGHĨA		22	22	8	12
		1	Xóm Đồi Pheo	x	x	x
		2	Xóm Vó Giữa	x		x
		3	Xóm Tiên Phong	x		
		4	Xóm Khị	x		x
		5	Xóm Bung	x		x
		6	Xóm Cỏ	x	x	x
		7	Xóm Chum	x	x	x
		8	Xóm Ấm	x		
		9	Xóm Đôn	x		
		10	Xóm Tre	x	x	
		11	Xóm Đa	x		
		12	Xóm Mới Nang	x		
		13	Xóm Kén	x		
		14	Xóm Sào	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		15	Xóm Vó Trên	x		
		16	Xóm Bui	x		x
		17	Xóm Tân Thành	x		
		18	Xóm Riệc	x	x	x
		19	Xóm Bui Rường	x		x
		20	Xóm Bãy	x	x	x
		21	Xóm Đồi Cà	x		x
		22	Xóm Sỳ	x	x	x
21	XÃ CỤ ĐỒNG		9	9	1	4
		1	Thôn Chiềng	x		
		2	Thôn Tắt Thắt	x		
		3	Thôn Tế Xem	x		x
		4	Thôn Liên Minh	x	x	
		5	Thôn Tiến Thịnh	x		
		6	Thôn Minh Đức	x		
		7	Thôn Giai Thượng	x		x
		8	Thôn Lâm Sơn	x		x
		9	Thôn Thẳng Sơn	x		x
22	XÃ MƯỜNG THÀNG		21	21	20	7
		1	Xóm An Phong	x	x	
		2	Xóm Thịnh Phong	x	x	
		3	Xóm Hồng Phong	x	x	
		4	Xóm Nam Thái	x	x	
		5	Xóm Trọ	x	x	
		6	Xóm Nam Phong	x	x	
		7	Xóm Đức Khuận	x	x	
		8	Xóm Đoàn Kết	x	x	
		9	Xóm Tây Phong	x	x	
		10	Xóm Khánh	x	x	x
		11	Xóm Đại	x	x	x
		12	Xóm Thạch Yên	x	x	x
		13	Xóm Yên Thượng	x	x	x
		14	Xóm Yên Lập	x	x	x
		15	Xóm Tân Lập	x	x	x
		16	Xóm Dũng Phong	x	x	
		17	Xóm Chao Khạ	x	x	x
		18	Xóm Đội Tây Phong	x		
		19	Xóm Lãi	x	x	
		20	Xóm Bầm	x	x	
		21	Xóm Bằng	x	x	
23	XÃ THƯỢNG LONG		15	15	6	4
		1	Thôn Nga Hoàng	x	x	
		2	Thôn Trung Lợi	x		
		3	Thôn Liên Sơn	x	x	
		4	Thôn Đồng Chung	x		
		5	Thôn Dân Chủ	x	x	
		6	Thôn Liên Minh	x	x	
		7	Thôn Quyết Tiến	x		
		8	Thôn Tân Tiến	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		9	Thôn Bằng	x		
		10	Thôn Minh Long	x		x
		11	Thôn Cà	x		x
		12	Thôn Phúc Khánh	x		
		13	Thôn Đình	x	x	x
		14	Thôn Vông	x	x	x
		15	Thôn Minh Tân	x		
24	XÃ TÂN LẠC		33	33	7	4
		1	Thôn An Thịnh	x		
		2	Thôn Ban Rừng	x		
		3	Thôn Bào	x		
		4	Thôn Bìn	x		
		5	Thôn Chùa	x		
		6	Thôn Bui Phoi	x		
		7	Thôn Chiềng Đông	x		
		8	Thôn Chiềng Khén	x		
		9	Thôn Cóc	x	x	x
		10	Thôn Đoàn Kết	x		
		11	Thôn Đồng Tâm	x		
		12	Thôn Đồng Văn	x		
		13	Thôn Mường Khơi	x		
		14	Thôn Đông Lai	x		
		15	Thôn Đồi Bưng	x	x	x
		16	Thôn Mân Đức	x		
		17	Thôn Minh Khai	x		
		18	Thôn Mường Biệng	x		
		19	Thôn Mường Cộg	x	x	x
		20	Thôn Mường Khang	x	x	x
		21	Thôn Mường Quạng	x		
		22	Thôn Ngọc Mỹ	x		
		23	Thôn Phụng	x		
		24	Thôn Vua Sổng	x		
		25	Thôn Sung Nhót	x		
		26	Thôn Tam	x	x	
		27	Thôn Tân Nen	x		
		28	Thôn Tân Phong	x		
		29	Thôn Văn Đại	x		
		30	Thôn Thanh Hối	x		
		31	Thôn Tân Hòa	x	x	
		32	Thôn Quê Bái	x		
		33	Thôn Đồi	x	x	
25	XÃ ĐẠI ĐỒNG		24	24	2	2
		1	xóm Yên Nghiệp	x		
		2	xóm Gò Cha	x		
		3	xóm Hồ	x		
		4	xóm Đạm Sổng	x		
		5	xóm Lục	x		
		6	xóm Re	x		
		7	xóm Ân Nghĩa	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8	xóm Tura	x		
		9	xóm Búm	x		
		10	xóm Đại Nghĩa	x	x	x
		11	xóm Tân Mỹ	x		
		12	xóm Nại	x		
		13	xóm Cai	x		
		14	xóm Đa	x		
		15	xóm Bu Lọt	x	x	x
		16	xóm Yên Kim	x		
		17	xóm Vô	x		
		18	xóm Tuôn	x		
		19	xóm Ngái	x		
		20	xóm Đội 5	x		
		21	xóm Láo Thành	x		
		22	xóm Mặc	x		
		23	xóm Nạch	x		
		24	xóm Kho Khí	x		
26	XÃ DŨNG TIẾN		13	13	7	8
		1	Thôn Chạo Lụng	x		x
		2	Thôn Nghĩa Pang	x		x
		3	Thôn Ba Nuông	x	x	x
		4	Thôn Đông Tiến	x	x	
		5	Thôn Cảnh Giang	x	x	
		6	Thôn Má Khoang	x	x	x
		7	Thôn Thông Thượng	x	x	x
		8	Thôn Mỹ	x		
		9	Thôn Mỹ Hoà	x		
		10	Thôn Dăm	x		x
		11	Thôn Mỹ Thượng	x	x	x
		12	Thôn Ba Lâm	x		
		13	Thôn Vọ	x	x	x
27	XÃ YÊN TRỊ		19	19	0	0
		1	Xóm Hữu Lợi	x		
		2	Xóm Liên Hợp	x		
		3	Xóm Yên Thái	x		
		4	Xóm Phú Vệ	x		
		5	Xóm Đoàn Kết	x		
		6	Xóm Đồng Tiến	x		
		7	Xóm Tân Minh	x		
		8	Xóm Tân Thịnh	x		
		9	Xóm Á Đồng	x		
		10	Xóm Lòng	x		
		11	Xóm Quang Minh	x		
		12	Xóm Hồ Long	x		
		13	Xóm Ngọc Lương	x		
		14	Xóm Nghĩa	x		
		15	Xóm Phố Dương	x		
		16	Xóm Thung	x		
		17	Xóm Yên Thời	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		18	Xóm Rộc	x		
		19	Xóm Thanh Bình	x		
28	XÃ CAO PHONG		19	13	18	2
		1	Thôn Thu Phong		x	
		2	Thôn Vò	x	x	
		3	Thôn Hợp Tiến	x	x	
		4	Thôn Rú	x	x	
		5	Thôn Nhồi	x	x	
		6	Thôn Chằng	x	x	
		7	Thôn Quáng	x	x	
		8	Thôn Cạn Hạ	x	x	
		9	Thôn Bưng	x	x	
		10	Thôn Trang Trên	x	x	
		11	Thôn Trang Trong	x	x	
		12	Thôn Mừng	x	x	x
		13	Thôn Cạn Thượng	x	x	x
		14	Thôn 1		x	
		15	Thôn 2	x		
		16	Thôn 3		x	
		17	Thôn 4		x	
		18	Thôn 5		x	
		19	Thôn 6		x	
29	PHƯỜNG THỐNG NHẤT		13	12	3	1
		1	Tổ Dân phố số 2	x		
		2	Tổ Dân phố số 1	x		
		3	Tổ Dân phố số 3		x	
		4	Tổ Dân phố số 4	x		
		5	Tổ Dân phố số 5	x		
		6	Tổ Dân phố số 7	x		
		7	Tổ Dân phố số 8	x	x	
		8	Tổ Dân phố số 9	x		
		9	Tổ Dân phố số 10	x		
		10	Tổ Dân phố số 12	x		
		11	Tổ Dân phố số 14	x		
		12	Tổ Dân phố số 15	x		
		13	Tổ Dân phố số 16	x	x	x
30	XÃ HỢP KIM		13	13	5	10
		1	Thôn Sào Bảy	x		x
		2	Thôn Sào Đông	x		x
		3	Thôn Đồng Khai	x		x
		4	Thôn Bình Tân	x		x
		5	Thôn Mên Bôi	x		x
		6	Thôn Mồ	x	x	x
		7	Thôn Kim Sơn	x	x	x
		8	Thôn Lập Chiềng	x	x	x
		9	Thôn Nam Bãi	x		x
		10	Thôn Nam Thượng	x		
		11	Thôn Bôi Cả	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		12	Thôn Nước Ruộng	x	x	x
		13	Thôn Trò	x	x	
31	XÃ ĐỨC NHÀN	10		10	10	10
		1	Thôn Đăm Lài	x	x	x
		2	Thôn Nước Mọc	x	x	x
		3	Thôn Suối Nánh	x	x	x
		4	Thôn Chum Nưa	x	x	x
		5	Thôn Mường Chiềng	x	x	x
		6	Thôn Mường Tuồng	x	x	x
		7	Thôn Duốc	x	x	x
		8	Thôn Nghê	x	x	x
		9	Thôn Nà Mươi	x	x	x
		10	Thôn Bản Hạ	x	x	x
32	XÃ MƯỜNG VANG		15	15	7	15
		1	Xóm Tân Lập	x		x
		2	Xóm Mòi	x		x
		3	Xóm Đồng	x	x	x
		4	Xóm Rậm	x		x
		5	Xóm Đào	x	x	x
		6	Xóm Khụ	x		x
		7	Xóm Ngọc	x	x	x
		8	Xóm Chạo Nạc	x	x	x
		9	Xóm Thung	x	x	x
		10	Xóm Cốc	x	x	x
		11	Xóm Thêu	x	x	x
		12	Xóm Trại	x		x
		13	Xóm Quý Hòa	x		x
		14	Xóm Tuần Đạo	x		x
		15	Xóm Chiềng Vang	x		x
33	XÃ SƠN LƯƠNG		18	18	2	10
		1	Thôn Đồng Sương	x		x
		2	Thôn Mỹ Xuân	x		x
		3	Thôn Mỹ Lung	x		x
		4	Thôn Chinh Hồng	x		
		5	Thôn Xuân Tiến	x		
		6	Thôn Xuân Nhật	x		x
		7	Thôn Phú Hưng	x		x
		8	Thôn Đại Cao	x	x	x
		9	Thôn Phú Hòa	x		x
		10	Thôn Mỹ Lương	x		x
		11	Thôn Tam Xuân	x		
		12	Thôn Tân Phú	x		
		13	Thôn Tân Hương	x		
		14	Thôn Xuân Thượng	x	x	x
		15	Thôn Lương Sơn	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		16	Thôn Trung Thành	x		x
		17	Thôn Phú Đoàn	x		
		18	Thôn Tam Giao	x		
34	XÃ LONG CỐC		12	12	8	8
		1	Thôn Nội Cạn	x	x	x
		2	Thôn Bông	x	x	x
		3	Thôn Vai Ẽn	x		x
		4	Thôn Chiêu Tăng	x	x	x
		5	Thôn Mận Gạo	x	x	x
		6	Thôn Lương Sơn	x	x	x
		7	Khu Đồng Khoai	x	x	x
		8	Khu Dát Váo	x	x	
		9	Múc Thanh Phú	x		
		10	Khu Măng 1	x		
		11	Khu Măng 2	x		
		12	Khu Đai	x	x	x
35	XÃ YÊN SƠN		15	15	4	11
		1	Thôn Chự Hồ	x	x	x
		2	Thôn Hạ Sơn	x	x	x
		3	Thôn Đồng Liếm	x	x	x
		4	Thôn Sính	x		x
		5	Thôn Tinh Nhuệ	x		x
		6	Thôn Đề Ngừ	x		x
		7	Thôn Lạc Song	x		
		8	Thôn Đồi	x		
		9	Thôn Vũ	x		
		10	Thôn Chen	x	x	x
		11	Thôn Kết Bình	x		x
		12	Thôn Vón Mỏ	x		x
		13	Thôn Lau	x		x
		14	Thôn Mỏ	x		x
		15	Thôn Tân	x		
36	XÃ TRUNG SƠN		13	13	13	12
		1	Thôn Sặt	x	x	x
		2	Thôn Đồng Măng	x	x	x
		3	Thôn Ngọt	x	x	x
		4	Thôn Thói	x	x	x
		5	Thôn Cả	x	x	x
		6	Thôn Dích	x	x	x
		7	Thôn Nai	x	x	x
		8	Thôn Dừng	x	x	x
		9	Thôn Đàng	x	x	
		10	Thôn Nhồi	x	x	x
		11	Thôn Bóp	x	x	x
		12	Thôn Gầy	x	x	x
		13	Thôn Bằng	x	x	x
37	XÃ BAO LA		12	10	11	8
		1	Xóm Mường Hịch	x	x	x
		2	Xóm Ngõa	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Xuân Tiến		x	
		4	Xăm Khòe	x	x	
		5	Xóm Bước	x	x	
		6	Xóm Nà Mòn	x	x	x
		7	Xóm Mường Pa	x		x
		8	Xóm Pạnh	x	x	x
		9	Xóm Piềng Vế	x	x	x
		10	Xóm Chiềng Pùng	x	x	x
		11	Xóm Mai Hoàng Sơn		x	x
		12	Xóm Cha Lang	x	x	
38	XÃ TÂN SƠN		24	24	17	14
		1	Thôn Phú Lương	x	x	x
		2	Thôn Mỹ Sơn	x	x	x
		3	Thôn Cồn	x	x	x
		4	Thôn Kim Hùng	x	x	x
		5	Thôn Mang Hạ	x	x	x
		6	Thôn Tân An	x	x	x
		7	Thôn Liên Minh	x	x	x
		8	Thôn Cường Thịnh	x		
		9	Thôn Dừng	x	x	x
		10	Thôn Chiềng	x	x	x
		11	Thôn Tân Thành	x	x	
		12	Thôn Phú Thịnh	x		
		13	Thôn Tân Thanh	x		
		14	Thôn Côm	x	x	x
		15	Thôn Lóng	x	x	x
		16	Thôn Minh Nga	x	x	x
		17	Thôn Dục Dân	x	x	x
		18	Thôn Bình Thọ	x	x	
		19	Thôn Phú Sơn	x	x	
		20	Thôn Phú Hưng	x		
		21	Thôn Tân Phú	x		
		22	Thôn Tân Tiến	x	x	x
		23	Thôn Tân Thịnh	x		
		24	Thôn Tân Minh	x		
39	XÃ THU CÚC		12	12	9	8
		1	Thôn Tân Hoà	x	x	
		2	Thôn Giác	x	x	
		3	Thôn Trung Tâm 1	x		
		4	Thôn Chiềng Đồng	x	x	x
		5	Thôn Cón	x	x	x
		6	Thôn Chiềng	x		x
		7	Thôn Liên Chung	x	x	x
		8	Thôn Mỹ Á	x	x	x
		9	Thôn Ú	x	x	x
		10	Thôn Quế	x	x	x
		11	Thôn Ngà Hai	x	x	x
		12	Thôn Trung Tâm 2	x		
40	XÃ XUÂN VIÊN		16	16	4	9

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1	Thôn Dâu	x		
		2	Thôn Liêm Chính	x		
		3	Thôn Hồng	x		x
		4	Thôn Minh Đù	x	x	x
		5	Thôn Đồng Xuân 1	x		x
		6	Thôn Quảng Đông	x	x	x
		7	Thôn Vải Đàng	x		x
		8	Thôn Đồng Hon	x	x	x
		9	Thôn Quảng Thành	x		x
		10	Thôn An Lạc	x		
		11	Thôn Xuân Hưng	x	x	
		12	Thôn Tân Thành	x		
		13	Thôn Đồng Xuân	x		
		14	Thôn Quyết Tiến	x		
		15	Thôn Liên Hiệp	x		x
		16	Thôn An Thọ	x		x
41	XÃ AN NGHĨA		17	17	3	3
		1	Thôn Thanh Nông	x	x	x
		2	Thôn Đồi	x		
		3	Thôn Đồng Danh	x		x
		4	Thôn Bột Chùa	x		
		5	Thôn Phú Nghĩa	x		
		6	Thôn Đồng Tiến	x		
		7	Thôn Sông Bôi	x		
		8	Thôn Bến Nghĩa	x		
		9	Thôn Sỏi	x		
		10	Thôn Lũ	x		x
		11	Thôn Phú Bình	x		
		12	Thôn Lão Nội	x	x	
		13	Thôn Rị	x		
		14	Thôn Lão Ngoại	x	x	
		15	Khu Quyết Tiến	x		
		16	Thôn Vôi	x		
		17	Thôn Vai	x		
42	XÃ MINH HOÀ		16	16	3	0
		1	Thôn Phú Cường	x		
		2	Thôn Minh Xuân	x		
		3	Thôn Sinh Tiến	x	x	
		4	Thôn Kim Xuân	x		
		5	Thôn Đồng Quảng	x		
		6	Thôn Trại Thương	x		
		7	Thôn Đá Bàn	x	x	
		8	Thôn Hang Đùng	x		
		9	Thôn Quang Tiến	x		
		10	Thôn Tân Thành	x		
		11	Thôn Thống Nhất	x		
		12	Thôn Ngọc Lập	x		
		13	Thôn Minh Đức	x		
		14	Thôn Hạ Hòa	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		15	Thôn Ngọc Đồng	x	x	
		16	Thôn Đồng Quan	x		
43	XÃ MƯỜNG BI		13	13	7	9
		1	Xóm Đồng Khiêng	x	x	x
		2	Xóm Đồng Bưởi	x	x	x
		3	Mường Khạng	x		x
		4	Mường Ải	x		x
		5	Mường Trao	x	x	x
		6	Xóm Khởi	x	x	x
		7	Xóm Vín Bái	x	x	x
		8	Xóm Báy	x	x	x
		9	Xóm Ngay	x	x	x
		10	Xóm Chuông	x		
		11	Xóm Chù Bua	x		
		12	Xóm Đon	x		
		13	Xóm Mường Lò	x		
44	XÃ XUÂN ĐÀI		11	11	11	9
		1	Thôn Xuân Sơn	x	x	x
		2	Thôn Dụ	x	x	x
		3	Thôn Mu	x	x	
		4	Thôn Thang	x	x	x
		5	Thôn Xuân	x	x	x
		6	Thôn Tân Lập	x	x	x
		7	Thôn Chiềng	x	x	x
		8	Thôn Quyền	x	x	
		9	Thôn Hạ Bằng	x	x	x
		10	Thôn Nâu	x	x	x
		11	Thôn Nhàng	x	x	x
45	XÃ TÂN MAI		11	11	10	11
		1	Xóm Khan Thượng	x	x	x
		2	Xóm Suối Rút	x		x
		3	Xóm Phúc Sạn	x	x	x
		4	Xóm Sơn Thủy	x	x	x
		5	Xóm Tân Thủy	x	x	x
		6	Xóm Đá Đỏ	x	x	x
		7	Xóm Tân Dân	x	x	x
		8	Xóm Mường Diêm	x	x	x
		9	Xóm Tân Thành	x	x	x
		10	Xóm Khan Hạ	x	x	x
		11	Xóm Gò Lào	x	x	x
46	XÃ CAO DƯƠNG		26	26	8	7
		1	Thôn Xuân Thanh	x		
		2	Thôn Song Lam	x		
		3	Thôn Tiên Hội	x	x	x
		4	Thôn Quang Trung	x		x
		5	Thôn Cao Quyền	x		
		6	Thôn Cáp	x		
		7	Thôn Gạo	x	x	x
		8	Thôn Chợ Bến	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		9	Thôn An Nội	x	x	x
		10	Thôn Đồng Tiến	x		
		11	Thôn Đồng Kẹ	x		x
		12	Thôn Đồng Om	x	x	
		13	Thôn Trung Trì	x		
		14	Thôn Tân Phương	x		
		15	Thôn Phượng Sồ	x	x	x
		16	Thôn An Chương	x		
		17	Thôn Sáu Thượng	x		
		18	Thôn Tân Thành	x		x
		19	Thôn Hợp Thung	x		
		20	Thôn An Thịnh	x		
		21	Thôn Quên Thị	x	x	
		22	Thôn Gò Mu	x		
		23	Thôn Đồng Chồm	x		
		24	Thôn Sáu Hạ	x		
		25	Thôn Yên Lịch	x	x	
		26	Thôn Châu Đề	x	x	
47	PHƯỜNG TÂN HÒA		10	10	4	
		1	Tổ dân phố số 3	x		
		2	Tổ dân phố số 4	x		
		3	Tổ dân phố số 6	x	x	
		4	Tổ dân phố số 7	x		
		5	Tổ dân phố số 8	x	x	
		6	Tổ dân phố số 9	x	x	
		7	Tổ dân phố số 10	x		
		8	Tổ dân phố số 11	x		
		9	Tổ dân phố số 5	x	x	
		10	Tổ dân phố số 3	x		
48	PHƯỜNG HOÀ BÌNH		23	22	4	0
		1	Tổ dân phố số 1	x		
		2	Tổ dân phố số 2	x		
		3	Tổ dân phố số 7	x		
		4	Tổ dân phố số 8	x		
		5	Tổ dân phố số 11	x		
		6	Tổ dân phố số 12		x	
		7	Tổ dân phố số 13	x	x	
		8	Tổ dân phố số 14	x	x	
		9	Tổ dân phố số 16	x		
		10	Tổ dân phố số 17	x		
		11	Tổ dân phố số 18	x		
		12	Tổ dân phố số 19	x	x	
		13	Tổ dân phố số 21	x		
		14	Tổ dân phố số 23	x		
		15	Tổ dân phố số 24	x		
		16	Tổ dân phố số 26	x		
		17	Tổ dân phố số 27	x		
		18	Tổ dân phố số 30	x		
		19	Tổ dân phố số 31	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		20	Tô dân phố số 32	x		
		21	Tô dân phố số 39	x		
		22	Tô 15	x		
		23	Tô 29	x		
49	PHƯỜNG KỶ SƠN		12	12	6	2
		1	Tô 1	x		
		2	Tô 2	x	x	
		3	Tô 3	x	x	
		4	Tô 4	x		
		5	Tô 5	x		
		6	Tô 6	x	x	
		7	Tô 7	x		
		8	Tô 8	x		
		9	Tô 9	x	x	
		10	Tô 10	x		
		11	Tô 11	x	x	x
		12	Tô 12	x	x	x
50	XÃ HƯƠNG CÀN		15	15	7	8
		1	Thôn Đồng Quán	x	x	
		2	Thôn Nội xén	x	x	
		3	Thôn Lèo	x	x	
		4	Thôn Khoang	x		
		5	Thôn Đảnh	x		
		6	Thôn Tân Hương	x		
		7	Thôn Đoàn Kết	x		x
		8	Thôn Quát	x	x	x
		9	Thôn Thịnh Vượng	x		x
		10	Thôn Hưng Thịnh	x		x
		11	Thôn Sỏi Trại	x	x	x
		12	Thôn Pheo	x		x
		13	Thôn Yên Thịnh	x	x	x
		14	Thôn Lịch	x		x
		15	Thôn Đồng Tiến	x	x	
51	XÃ KHÁ CỬU		22	22	20	22
		1	Thôn Tu Cáp	x	x	x
		2	Thôn Sinh	x	x	x
		3	Thôn Tâm	x	x	x
		4	Thôn Lạn Rét	x		x
		5	Thôn Măng Chằng	x	x	x
		6	Thôn Bái	x	x	x
		7	Thôn Dọc	x	x	x
		8	Thôn Bầu	x	x	x
		9	Thôn Cốc Dầu	x	x	x
		10	Khu Mu Thượng Cửu	x	x	x
		11	Khu Mạc Chanh	x	x	x
		12	Khu Vì	x	x	x
		13	Khu Lài Cháu	x	x	x
		14	Khu Chúa	x	x	x
		15	Khu Cây	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		16	Khu Sinh Tàn	x	x	x
		17	Khu Chuôi	x	x	x
		18	Khu Hăm	x	x	x
		19	Khu Bương	x	x	x
		20	Khu Ngán	x		x
		21	Khu Vùng Muồng	x	x	x
		22	Khu Mu Đông Cừu	x	x	x
52	XÃ MAI CHÂU		24	24	21	12
		1	Xóm Chiềng Sại	x	x	
		2	Xóm Vắn	x	x	
		3	Xóm Cha Long	x	x	
		4	Xóm Tòng	x	x	
		5	Xóm Đậu	x	x	
		6	Xóm Đồng Bàng	x	x	x
		7	Xóm Đồng Tâm	x	x	x
		8	Xóm Thung Khe	x	x	x
		9	Xóm Noong Luông	x	x	x
		10	Xóm Pù Bin	x	x	x
		11	Xóm Nhót	x	x	
		12	Xóm Nà Mèo	x	x	
		13	Xóm Mai Châu	x		
		14	Xóm Mai Thượng	x		
		15	Xóm Nà Phòn	x		
		16	Xóm Văng	x	x	
		17	Xóm Xô	x	x	x
		18	Xóm Phiêng Xa	x	x	x
		19	Xóm Nhuổi	x	x	
		20	Xóm Chà Đáy	x	x	x
		21	Xóm Hiềng	x	x	x
		22	Xóm Hợp Thành	x	x	x
		23	Xóm Năng	x	x	x
		24	Xóm Nà Lựt	x	x	x
53	XÃ MAI HẠ		14	14	11	0
		1	Xóm Mỏ	x	x	
		2	Xóm Thanh Mai	x	x	
		3	Xóm Lầu	x	x	
		4	Xóm Đồng Uống	x	x	
		5	Xóm Tiên Phong	x		
		6	Xóm Chiềng Hạ	x		
		7	Xóm Khả	x	x	
		8	Bản Lác	x	x	
		9	Xóm Chiềng Châu	x	x	
		10	Bản Sài Khao	x	x	
		11	Xóm Ngệ	x	x	
		12	Xóm Cùm	x		
		13	Xóm Lọng	x	x	
		14	Xóm Khán	x	x	
54	XÃ TÂN PHEO		11	11	11	11
		1	Thôn Tân Chung	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		2	Thôn Suối Tiên	x	x	x
		3	Thôn Giáp Đất	x	x	x
		4	Thôn Thu Lu	x	x	x
		5	Thôn Bao	x	x	x
		6	Thôn Đồng Chum	x	x	x
		7	Thôn Ca Lông	x	x	x
		8	Thôn Than	x	x	x
		9	Thôn Chàm	x	x	x
		10	Thôn Hà	x	x	x
		11	Thôn Nhạp	x	x	x
55	XÃ VỖ MIẾU		26	24	8	3
		1	Thôn Cự Bành	x		
		2	Thôn Trại	x	x	
		3	Thôn Phú Hà	x		
		4	Thôn Sang	x		
		5	Thôn Bần	x		
		6	Thôn Chiềng	x		
		7	Thôn Kim Thịnh	x		
		8	Thôn Mai Thịnh	x		
		9	Thôn Việt Tiến	x		
		10	Thôn Việt Phú			
		11	Thôn Sụ Nương	x		x
		12	Thôn Sụ Ngoài	x	x	
		13	Thôn Cự Thắng	x		
		14	Thôn Gò Tre	x		
		15	Thôn Chòi	x		x
		16	Thôn Kim Lương	x		
		17	Thôn Rịa 1	x	x	
		18	Thôn Rịa 2	x	x	
		19	Thôn Cốc	x		x
		20	Thôn Thanh Hà		x	
		21	Thôn Tân Bình	x		
		22	Thôn Vùg	x		
		23	Thôn Liên Thành	x	x	
		24	Thôn Do Lau	x		
		25	Thôn Quyết Tiến	x	x	
		26	Thôn Xuân Thắng	x	x	
56	XÃ LẠC LƯƠNG		18	18	4	6
		1	Thôn Hồng Khuyên	x		x
		2	Thôn Phú Thượng	x		
		3	Thôn Bảo Hiệu	x		
		4	Thôn Hiệu Tiến	x		x
		5	Thôn Bảo Phúc	x		
		6	Thôn Lạc Hưng	x		x
		7	Thôn Hợp Nhất	x		x
		8	Thôn Khạ Bèo	x		
		9	Thôn Sào Nhạng	x		
		10	Thôn Đa Phúc	x		x
		11	Thôn Nhất Tiến	x	x	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		12	Thôn Yên Tân	x		x
		13	Thôn Lạc Lương	x		
		14	Thôn Quyết Thắng	x		
		15	Thôn Lạc Sỹ	x	x	
		16	Thôn Sào Thượng	x	x	
		17	Thôn Bãi Đa	x		
		18	Thôn Đăng Nhuội	x	x	
57	XÃ THUNG NAI		13	13	10	3
		1	Thôn Môn Dài	x	x	x
		2	Thôn Bắc Phong	x		
		3	Thôn Thống Nhất	x		
		4	Thôn Má	x	x	
		5	Thôn Giang Cáp	x	x	
		6	Thôn Nai Mới	x		x
		7	Thôn Mu Chiềng	x	x	x
		8	Thôn Bình Thanh	x	x	
		9	Thôn Bắc Sơn	x	x	
		10	Thôn Tiến Lâm	x	x	
		11	Thôn Mỗ	x	x	
		12	Thôn Tráng	x	x	
		13	Thôn Tiện	x	x	
58	XÃ YÊN LẬP		28	28	8	9
		1	Thôn Tân Long	x	x	
		2	Thôn Chùa	x		
		3	Thôn Mít	x	x	
		4	Thôn An Minh	x		x
		5	Thôn Dân Tiến	x	x	x
		6	Thôn Thiện	x		
		7	Thôn Lương Bằng	x		x
		8	Thôn Thống Nhất	x		x
		9	Thôn Tân Hoa	x		
		10	Thôn Dân Thanh	x		x
		11	Thôn Đồng Thịnh	x		
		12	Thôn Tân An	x		
		13	Thôn Đồng Lạc	x		x
		14	Thôn Trung Ngãi	x		
		15	Thôn Đồng Cạn	x		
		16	Thôn Đình	x		
		17	Thôn Mơ	x	x	
		18	Thôn Đồng Phú	x		x
		19	Thôn Thắng Lợi	x		
		20	Thôn Đồng Dân	x	x	x
		21	Thôn Đồng Tiến	x	x	x
		22	Thôn Đồng Bành	x		
		23	Thôn Thung Bằng	x		
		24	Thôn Đình Cả	x		
		25	Thôn Đồng Chung	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		26	Thôn Mè	x		
		27	Thôn Đồng Tân	x	x	
		28	Thôn Đoàn Kết	x	x	
59	XÃ YÊN PHÚ		13	13	2	6
		1	Xóm Cuốc	x		x
		2	Xóm Khi	x		x
		3	Xóm Trắng Đá	x		
		4	Xóm Mường Trắng	x		
		5	Xóm Vành	x	x	x
		6	Xóm Mường Bợ	x		
		7	Xóm Xưa Hạ	x		x
		8	Xóm Vò Ngải	x		
		9	Xóm Bắp Vộc	x		x
		10	Xóm Cọi	x		
		11	Xóm Thượng Bàu	x		
		12	Xóm Chuông Bắp	x		
		13	Xóm Khương	x	x	x
60	XÃ LIÊN SƠN		18	18	5	0
		1	Thôn Đào Lâm	x	x	
		2	Thôn Cao Rắm	x		
		3	Thôn Cao Sơn	x		
		4	Thôn Hợp Hòa	x		
		5	Thôn Liên Hòa	x	x	
		6	Thôn Cư Yên	x		
		7	Thôn Yên Phong	x	x	
		8	Thôn Liên Khuê	x		
		9	Thôn Hòa Bình	x		
		10	Thôn Thống Nhất	x		
		11	Thôn Tiên Sơn	x	x	
		12	Thôn Mỹ Sơn	x	x	
		13	Thôn Ao Kênh	x		
		14	Thôn Mái	x		
		15	Thôn Lộc Môn	x		
		16	Thôn Sòng	x		
		17	Thôn Đồng Sương	x		
		18	Thôn Bến Cuối	x		
61	XÃ YÊN THUY		12	12		
		1	Thôn Tiên Phong	x		
		2	Thôn Lạc Thịnh	x		
		3	Thôn Mường Rậm	x		
		4	Thôn Đình Xám	x		
		5	Thôn Yên Lạc	x		
		6	Thôn Cà	x		
		7	Thôn Yên Bình	x		
		8	Thôn Trung Hạ	x		
		9	Thôn Yên Phong	x		
		10	Thôn Lành Anh	x		
		11	Thôn Tân Vượng	x		
		12	Thôn Tây Bắc	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
62	XÃ VĂN MIẾU		20	20	14	13
		1	Thôn Tân Phú	x		x
		2	Thôn Văn Phúc	x	x	x
		3	Thôn Đông Thịnh	x		
		4	Thôn Đoàn Kết	x		
		5	Thôn Gấn	x	x	x
		6	Thôn Dón	x	x	x
		7	Thôn Nhãn Hạ	x	x	x
		8	Thôn Nưa	x	x	x
		9	Thôn Mít	x	x	x
		10	Thôn Chũng Mận	x	x	x
		11	Thôn Dẹ 1	x		
		12	Thôn Dẹ 2	x		
		13	Thôn Thành Công	x	x	x
		14	Thôn Xè 2	x	x	x
		15	Thôn Cát	x		
		16	Thôn Gò Vồ	x	x	x
		17	Thôn Nhãn Thượng	x	x	x
		18	Thôn Chằm 1	x	x	
		19	Thôn Chằm 2	x	x	
		20	Thôn Hạ Thành	x	x	x
63	XÃ QUY ĐỨC		14	14	14	14
		1	Thôn Lọng	x	x	x
		2	Thôn Đoàn Kết	x	x	x
		3	Thôn Khem	x	x	x
		4	Thôn Mừng Diêm	x	x	x
		5	Thôn Trung Thành	x	x	x
		6	Thôn Trung Thượng	x	x	x
		7	Thôn Yên Hòa	x	x	x
		8	Thôn Kia	x	x	x
		9	Thôn Thượng	x	x	x
		10	Thôn Hày	x	x	x
		11	Thôn Tân Hương	x	x	x
		12	Thôn Thâm Luông	x	x	x
		13	Thôn Hạt	x	x	x
		14	Thôn Đồng Ruộng	x	x	x
64	XÃ LAI ĐỒNG		16	16	12	13
		1	Thôn Chiềng Đồng	x		
		2	Thôn Vườn Phất	x	x	x
		3	Thôn Đoàn Kết	x	x	x
		4	Thôn Bương Hoạt	x	x	x
		5	Thôn Lèn	x	x	x
		6	Thôn Thừ	x		x
		7	Thôn Sận Hòa	x	x	x
		8	Thôn Mít	x	x	x
		9	Thôn Mãng	x	x	x
		10	Thôn Xuân	x	x	x
		11	Thôn Vèo	x	x	
		12	Thôn Chiềng Kịt	x		x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		13	Thôn Ít Liệt	x	x	x
		14	Thôn Dọc	x		
		15	Thôn Bến Thân	x	x	x
		16	Thôn Mới	x	x	x
65	XÃ TAM ĐẢO		4	3	1	
		1	Thôn Tam Đảo		x	
		2	Thôn Yên Trung	x		
		3	Thôn Vực Lự	x		
		4	Thôn Yên Bình	x		
66	XÃ ĐẠI ĐÌNH		15	15	0	0
		1	Bồ Trong	x		
		2	Thôn Giáp Giang	x		
		3	Thôn Đông Lộ	x		
		4	Thôn Sơn Phong	x		
		5	Thôn Đồng Hội	x		
		6	Thôn Trại Mới	x		
		7	Thôn Ấp Đồn	x		
		8	Thôn Đền Thông	x		
		9	Thôn Lũng Sâu	x		
		10	Đồng Cà	x		
		11	Thôn Bồ Ngoài	x		
		12	Thôn Đồng Bụt	x		
		13	Sơn Đình	x		
		14	Sơn Thanh	x		
		15	Tây Sơn	x		
67	XÃ THỊNH MINH		20	20	7	0
		1	Xóm Nhả	x		
		2	Xóm Giếng 1	x		
		3	Xóm Xạ Múc	x		
		4	Xóm Mỏ Ngô	x		
		5	Xóm Phú Thịnh	x		
		6	Xóm Phú Cường	x		
		7	Xóm Hạnh Phúc	x		
		8	Xóm Tân Thịnh	x		
		9	Xóm Giếng 2	x		
		10	Xóm Bu Chằm	x	x	
		11	Xóm Mon	x	x	
		12	Xóm Đoàn kết	x	x	
		13	Xóm Tôm	x		
		14	Xóm Mom	x		
		15	Xóm Quốc	x		
		16	Xóm Văn Minh	x	x	
		17	Xóm Rợn	x	x	
		18	Xóm Trung Mường	x		
		19	Xóm Mè	x	x	
		20	Xóm Văn Nam	x	x	
68	XÃ CHÂN MỘNG		7	6	1	
		1	Thôn 3 Yên Kien	x		
		2	Thôn 4 Yên Kien	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3	Thôn 39 Vân Đồn	x		
		4	Thôn 40 Vân Đồn	x		
		5	Thôn 34 Hùng Long	x		
		6	Thôn 25 Minh Phú	x		
		7	Thôn 17 Chân Mộng		x	
69	XÃ BĂNG LUÂN		8	0	8	0
		1	Thôn Đức Thái		x	
		2	Thôn Thống Nhất		x	
		3	Thôn Minh Luân		x	
		4	Thôn Phú Yên		x	
		5	Thôn Bằng Doãn		x	
		6	Thôn Lê Đồng		x	
		7	Thôn Phúc Linh		x	
		8	Thôn Thanh Liêm		x	
70	XÃ QUẢNG YÊN		5		5	
		1	Thôn Thái Ninh		x	
		2	Thôn Minh Tân		x	
		3	Thôn Kiều Xuân		x	
		4	Thôn Đồng Thọ		x	
		5	Thôn Quảng Di		x	
71	XÃ YÊN KỲ		4	0	4	0
		1	Thôn 1		x	
		2	Thôn 10		x	
		3	Thôn 11		x	
		4	Thôn 12		x	
72	XÃ TÂY CỐC		6	2	4	0
		1	Thôn Ca Đình 4		x	
		2	Thôn Quế Lâm 2		x	
		3	Thôn Ca Đình 1		x	
		4	Thôn Phúc Thịnh	x		
		5	Thôn Tân Long	x		
		6	Thôn Cát Lâm 1		x	
73	XÃ HẠ HOÀ		3	0	3	0
		1	Thôn 7		x	
		2	Thôn 8		x	
		3	Thôn 12		x	
74	XÃ LƯƠNG SƠN		20	20	5	0
		1	Tổ dân phố Bãi Lạng	x	x	
		2	Tổ dân phố Cửu Long	x		
		3	Tổ dân phố Hùng Sơn	x		
		4	Tổ dân phố Mỏ	x		
		5	Tổ dân phố Đồng Bái	x		
		6	Tổ dân phố Quất Lâm	x		
		7	Tổ dân phố Hòa Sơn	x		
		8	Tổ dân phố Trung Hòa	x		
		9	Tổ dân phố Nhuận Trạch	x		
		10	Tổ dân phố Đồng Chanh	x		
		11	Tổ dân phố Còi	x		
		12	Tổ dân phố Tân Vinh	x		

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		13	Tô dân phố Vé	x		
		14	Tô dân phố Lâm Sơn	x	x	
		15	Tô dân phố Rộng Tầm	x	x	
		16	Tô dân phố Trường Sơn	x		
		17	Thôn Suối Bu	x	x	
		18	Tô dân phố Hạnh Phúc	x		
		19	Tô dân phố Sông Bùi	x		
		20	Tô dân phố Mòng	x	x	
75	XÃ NGỌC SƠN		11	11	11	11
		1	Xóm Tân Sơn	x	x	x
		2	Xóm Chiềng	x	x	x
		3	Xóm Ngọc Lâu	x	x	x
		4	Xóm Tự Do	x	x	x
		5	Xóm Vằng Cha	x	x	x
		6	Xóm Rộc	x	x	x
		7	Xóm Khú	x	x	x
		8	Xóm Khộp Đèn	x	x	x
		9	Xóm Cối Cáo	x	x	x
		10	Xóm Kháy Mòn	x	x	x
		11	Xóm Mu Khương	x	x	x
76	XÃ HOÀNG CƯỜNG		1	0	1	0
		1	Khu Đồng Tiến		x	
77	XÃ THANH BA		1	0	1	
		1	Thôn Vân Lĩnh 2		x	
78	XÃ HỢP LÝ		3	2	1	0
		1	Thôn Quảng Cư	x		
		2	Thôn Cầu Trên	x		
		3	Thôn Sáng Sơn		x	
79	PHƯỜNG XUÂN HOÀ		4	4	0	0
		1	Tô dân phố Thanh Lộc	x		
		2	Tô dân phố Ngọc Thanh	x		
		3	Tô dân phố Lập Đình	x		
		4	Tô dân phố Đại Quang	x		
80	XÃ HIỀN LƯƠNG		4	1	4	0
		1	Khu 13 (Xuân Áng cũ)		x	
		2	Khu 14 (Xuân Áng cũ)	x	x	
		3	Khu 14 (Hiền Lương cũ)		x	
		4	Khu 11 (Hiền Lương cũ)		x	
81	XÃ TAM DƯƠNG BẮC		1	1	0	0
		1	Thôn Đồng Bùa	x		
82	XÃ THÁI HOÀ		1	1	0	0
		1	Thôn Bắc Sơn	x		
83	XÃ ĐOAN HÙNG		1	1	0	0
		1	Thôn Ngọc Tân	x		
84	XÃ PHÚ KHÊ		1	0	1	0
		1	Thôn Suối Hai		x	
85	XÃ VĂN LANG		1	0	1	0
		1	Thôn 19		x	
86	XÃ BÌNH TUYỀN		8	8	0	0

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1	Thôn Trung Mầu	x		
		2	Thôn Đồng Giang	x		
		3	Thôn Thanh Lanh	x		
		4	Thôn Ba Gò	x		
		5	Thôn Mỹ Khê	x		
		6	Thôn Gia Khau	x		
		7	Thôn Tam Thành	x		
		8	Thôn Vĩnh Đồng	x		
87	XÃ VĂN BẢN		2	0	2	0
		1	Thôn Gò Muối		x	
		2	Thôn Đá Cống		x	
88	XÃ YÊN LĂNG		4	4	1	0
		1	Thôn Đồng Dạ	x		
		2	Thôn Đồng Đông	x		
		3	Thôn Xóm Mới	x		
		4	Thôn Thành Công	x	x	
89	XÃ TAM SƠN		1		1	
		1	Thôn Thanh Tú		x	
90	XÃ ĐÀN THUỶ		6		6	
		1	Thôn 30		x	
		2	Thôn 34		x	
		3	Thôn 4		x	
		4	Thôn 3		x	
		5	Thôn 2		x	
		6	Thôn 29		x	
91	XÃ VĨNH CHÂN		2	0	2	0
		1	Thôn 2		x	
		2	Thôn 7		x	
92	XÃ BÌNH XUYỀN		1	1	0	0
		1	Thôn Lưu Quang	x		